TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
2. Bà **ĐOÀN THỊ THOA**

-Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 846/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **LƯU THỊ T**, sinh năm 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **ĐỖ THANH T**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 27/11/2019 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Do quen biết nên chị và Anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, Anh T đam mê cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Anh chị đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn Anh T.

Về con chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không tranh chấp.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/12/2019, bị đơn anh Đỗ Thanh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, anh cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do chị T tự ý bỏ nhà đi nên anh giận và có làm đơn xin ly hôn nhưng anh suy nghĩ còn thương

vợ nên anh đã rút đơn. Nay anh không đồng ý ly hôn do còn thương chị T. Về con chung, nợ chung không có, tài sản chung không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T có mặt; Anh T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; con chung, nợ chung không có và tài sản chung không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Đỗ Thanh T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt Anh T.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, chị T trình bày do quen biết nên chị và Anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân luôn từ đó đến nay. Nguyên nhân do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng, Anh T đam mê cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên tranh cải làm cuộc sống chung mất hạnh phúc. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn Anh T. Xét thấy, cho chị T được ly hôn Anh T là có cơ sở. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay mà anh chị vẫn không sắp xếp được ổn thỏa cho cuộc sống hôn nhân của mình. Thêm vào đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị T nhưng tại buổi hòa giải anh cũng không đưa ra được biện pháp nào thuyết phục chị T để vợ chồng đoàn tụ, cũng như Anh T cho rằng thời gian trước anh có nộp đơn ly hôn với vợ nhưng do thương vợ nên anh đã rút đơn lại và mãi trong thời gian đó cuộc sống hôn nhân của anh chị vẫn không có tiến triển tốt. Đồng thời, tại các phiên tòa xét xử Anh T vẫn vắng mặt không lý do điều đó thể hiện anh không còn quan tâm sâu sắc đến cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị T. Mặt khác, tại Tòa, chị T khẳng định chị không còn tình cảm vợ chồng với Anh T nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Từ các phân tích trên xác định cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung và nợ chung:* Tại phiên tòa chị T trình bày không có, cũng như căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Anh T cũng thống nhất là không có nên không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] *Về tài sản chung*: Tại Tòa, chị T xác định không tranh chấp. Đồng thời, Anh T cũng thống nhất không tranh chấp gì về tài sản chung với chị T căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[5] *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Xử*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị T. Cho chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Đỗ Thanh T.

Về con chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

***Về tài sản chung*:** Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0002785 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cái Bè*;
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND xã M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM